

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2020

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã AN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp A, xã AN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Thanh V trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thể hiện:

Ông V và bà Kim Thị T chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình chỉ một mình ông V đứng ra lo, bà T không đồng ý sống cùng mẹ ông V, cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Ông bà đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông V yêu cầu ly hôn **với** bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 08/7/2010 và Lê Vũ Quốc H, sinh ngày 28/4/2004. Hiện 02 con đang sống với bà T. Trong quá trình Tòa án

giải quyết vụ án, ông V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 04/5/2020, ông thay đổi ý kiến, ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Yến N 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01/5/2020 đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Kim Thị T trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông V về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; thời gian ly thân và con chung nhưng không đồng ý về mâu thuẫn vợ chồng, bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V nhiều lần bỏ nhà theo vợ bé, không chăm lo vợ con nhưng bà đều bỏ qua cho ông V. Ông V bỏ đi từ tháng 10/2019 đến nay.

Nay, ông V yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì bà còn thương chồng thương con, không muốn các con sống thiếu tình cảm của cha hoặc mẹ. Bà đưa ra biện pháp hàn gắn vợ chồng như sau: Bà vẫn đồng ý để ông V tới lui chăm nuôi mẹ, không ngăn cấm. Bà vẫn đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, hiện bà đang làm việc tại Công ty Bou Chen.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 08/7/2010 và Lê Vũ Quốc H, sinh ngày 28/4/2004. Hai con đang sống với bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và ông V ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Yến N theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Thanh V nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà Kim Thị T có địa chỉ cư trú tại xã AN, huyện Đ nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông V, bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông V và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang ngày 07/4/2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông V yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không quan tâm lo lắng cho nhau, không thể hàn gắn hôn nhân, hiện đã sống riêng từ tháng 10/2019 đến nay. Bị đơn bà T thừa nhận vợ chồng không thể hàn gắn hôn nhân và đã ly thân thời gian dài, hơn nữa ông V còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà T không đồng ý ly hôn vì bà còn thương chồng thương con, không muốn các con sống thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ.

Xét thấy, ông V và bà T đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn sống chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn giữa hai bên không hòa giải được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, bà T không đồng ý nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào khác để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Thanh V và bà Kim Thị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh V.

Về con chung: Ông V và bà T có 02 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 08/7/2010 và Lê Vũ Quốc H, sinh ngày 28/4/2004. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông V đồng ý, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận để chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Yến N theo quy định pháp luật. Tại bản tự khai ngày 04/5/2020, ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Yến N hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/5/2020 đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi. Việc ông V đồng ý cấp dưỡng về thời gian và số tiền không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lê Thanh V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh V được ly hôn với bà Kim Thị T.

Về con chung: Bà Kim Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 08/7/2010 và Lê Vũ Quốc H, sinh ngày 28/4/2004.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 08/7/2010 mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2020 đến khi cháu Lê Thị Yến N đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004679 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, ông V phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Thanh V, bà Kim Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- **UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (để ghi hồ tịch);**
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho